

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 8 – 2024

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tạ Bá Nhịn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 405/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1974 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số 140M/7, khu vực X, phường R, quận Y, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Vĩnh C**, sinh năm: 1974 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 140M/7, khu vực X, phường R, quận Y, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày: Vào ngày 19/12/2003, bà với ông Nguyễn Vĩnh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ). Sau thời gian chung sống, ông Nguyễn Vĩnh C luôn kiểm chuyện chửi mắng và đánh bà với những lý do nhỏ nhặt, có lần ông C đánh bà ngất xỉu nên bà sợ hãi về nhà cha mẹ ruột thì ông C đến năn nỉ quay về nhưng ông C không biết cải sửa mà vẫn tiếp tục chửi mắng, sỉ nhục bà bằng những lời lẽ thô tục và chửi cả cha mẹ của bà. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện và yêu cầu:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh C;

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/5/2004, đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh C; Về con chung đã trưởng thành, đang học đại học, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh C vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật; xác định đúng và đầy đủ tư cách của người tham gia tố tụng. Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự.

Giữa nguyên đơn bà Trần Thị P với bị đơn ông Nguyễn Vĩnh C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, xét thấy giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành; tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị P với ông Nguyễn Vĩnh C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nên bà Trần Thị P có đơn khởi kiện xin ly hôn được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Vĩnh C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Vĩnh C như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị P với bị đơn ông Nguyễn Vĩnh C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ) vào ngày 19/12/2003 theo quy định của pháp luật và có

với nhau 01 người con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Quá trình giải quyết vụ án đã mở phiên hòa giải nhưng ông Nguyễn Vĩnh C vắng mặt nên không có khả năng hòa giải đoàn tụ thành. Tiến hành xác minh tại nơi cư trú không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Vĩnh C vắng mặt còn nguyên đơn bà Trần Thị P vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Xét về hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện của các bên cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng giữa nguyên đơn với bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không có khả năng hòa giải đoàn tụ cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, cho nguyên đơn bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh C như đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Minh D, sinh ngày 11/5/2004, đã trưởng thành, đang đi học và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị P. Cho bà Trần Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh C.

Về con chung: Đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra đề giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002620 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q. Bình Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Quý